

## ĐỀ THI LÝ THUYẾT UNG BƯỚU Y08

Chọn và khoanh tròn 1 câu trả lời CHÍNH XÁC NHẤT

1. Ung thư đầu cổ; chọn câu **SAI**
  - a. Gồm các ung thư bắt nguồn từ niêm mạc lót đường hô hấp tiêu hóa trên
  - b. Diễn tiến chủ yếu tại chỗ, tại vùng.
  - c. **Thường gặp nhất ở thanh quản** S
  - d. Hút thuốc lá và uống rượu là những yếu tố nguy cơ chính ✓
2. Nguyên tắc điều trị ung thư đầu cổ
  - a. Phối hợp đa mô thức
  - b. Phục hồi chức năng
  - c. Lưu ý thẩm mỹ
  - d. **Tất cả đúng** ✓
3. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất trong ung thư đầu cổ
  - a. Carcinôm tế bào đáy
  - b. Carcinôm tuyến
  - c. **Carcinôm tế bào gai** ✓
  - d. Sarcôm
4. Diễn tiến tự nhiên ung thư đầu cổ, chọn câu **SAI**
  - a. Bướu thường xâm lấn lớp cơ và lan đi xa theo lớp cân mạc
  - b. **Bướu xâm lấn sớm vào xương và sụn** ✓
  - c. Di căn hạch tăng nguy cơ di căn xa
  - d. Vị trí di căn xa thường gặp nhất là di căn phổi
5. Diễn tiến tự nhiên của carcinôm tuyến giáp **biệt hóa tốt**
  - a. Thường diễn tiến nhanh, dễ gây khó thở do chèn ép khí quản **Carcinoma không biệt hóa**
  - b. **Di căn hạch cổ ít gặp trong khi bướu còn khu trú trong tuyến giáp** ✓ **Ưa di căn hạch vùng**
  - c. Xâm lấn thần kinh hồi thanh quản rất thường gặp => **Carcinoma không biệt hóa/Lympho**
  - d. **Có thể biểu hiện bằng di căn xa trước khi phát hiện bướu nguyên phát.**
6. Yếu tố nguy cơ của ung thư giáp, chọn câu **SAI**
  - a. Vùng phình giáp dịch tể thường gặp carcinôm tuyến giáp dạng nang
  - b. Vùng đầy đủ iod thường gặp carcinôm tuyến giáp dạng nhú
  - c. **Hiện nay carcinôm dạng nang đang có khuynh hướng tăng dần** ✓ **giảm dần**
  - d. Carcinôm dạng tủy có thể liên quan tới di truyền
7. Ung thư tuyến giáp nào sau đây KHÔNG xuất phát từ tế bào nang giáp
  - a. Carcinôm dạng nhú
  - b. Carcinôm dạng nang



- c. Carcinôm dạng tủy** / Xuất phát từ tế bào cận nang.  
d. Carcinôm không biệt hóa
8. Triệu chứng nào sau đây thường gặp nhất trong ung thư tuyến giáp  
a. Khàn tiếng  
**b. Hạt giáp** / Không có triệu chứng  
c. Hạch cổ  
d. Khó thở
9. Ung thư thanh quản, chọn câu **SAI** **6**  
a. Thường gặp ở nam nhiều hơn nữ  
b. Hút thuốc là yếu tố nguy cơ quan trọng nhất  
c. Ung thư trên thanh môn thường gây khó thở sớm  
**d. Ít khi di căn xa** /
10. Ung thư thanh quản ở vị trí thanh môn, chọn câu **SAI**  
a. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất là carcinôm tế bào gai.  
b. Triệu chứng thường gặp nhất là khàn tiếng  
**c. Soi thanh quản được chỉ định trong tất cả các trường hợp** /  
d. Rất thường cho đi căn hạch cổ
11. Ung thư da không melanôm  
**a. Carcinôm tế bào gai thường gặp vùng đầu cổ** /  
b. Carcinôm tế bào đáy ít cho di căn hạch hơn carcinôm tế bào gai  
c. Carcinôm tế bào đáy xâm lấn tại chỗ nhiều hơn carcinôm tế bào gai  
d. Carcinôm tế bào gai thường đọng sắc tố melanin có màu đen cần chẩn đoán phân biệt với melanôm ác
12. Mục tiêu chính trong điều trị ung thư da vùng đầu cổ  
a. Điều trị tận gốc ung thư đảm bảo cắt đủ rộng là quan trọng nhất /  
b. Bảo tồn chức năng và tạo hình tránh gây biến dạng /  
c. Đạt kết quả thẩm mỹ tốt /  
**d. Tất cả đúng** /
13. Vị trí ung thư da mặt dễ tái phát, **TRÚ**  
**a. Mi mắt** /  
b. Mũi  
c. Má  
d. Rãnh mũi má
14. Đúng trước tổn thương sắc tố 4cm ở da mặt, nghi ngờ ác tính  
a. Sinh thiết trọn bướu với diện cắt rộng  
b. Sinh thiết 1 phần sang thương  
c. Sinh thiết lặn bướu



**d. Sinh thiết bằng kim nhỏ**

15. Yếu tố nguy cơ melanôm ác, chọn câu SAI:

- a. Bức xạ cực tím mặt trời
- b. Tiền sử gia đình mắc melanom ác
- c. Nốt ruồi không điển hình
- d. Nốt ruồi nội bì**

16. Dịch tế học ung thư cổ tử cung

- a. Là ung thư phụ khoa thường gặp nhất trên thế giới** UT thứ 2 ở phụ nữ
- b. Có xuất độ ngày càng gia tăng trên toàn thế giới
- c. Xuất độ ở nông thôn cao hơn ở thành thị
- d. Là ung thư có liên quan đến yếu tố gia đình

17. Nguyên nhân gây ung thư cổ tử cung

- a. Lập gia đình sớm
- b. Sinh đẻ nhiều
- c. Virus gây u nhú ở người (HPV)**
- d. Quan hệ tình dục với nhiều người

18. Tổn thương tiền ung thư cổ tử cung, chọn câu SAI CIN1,2,3

- a. Được phát hiện sớm bằng các xét nghiệm đơn giản
- b. Có phần lan xuống màng đáy không đáng kể** Ko lan => Không xâm lấn
- c. Không nhất thiết phải điều trị trong tất cả các trường hợp
- d. Tuổi thường gặp là từ 30-35 tuổi

19. Diễn tiến của ung thư cổ tử cung

- a. Dễ xâm lấn vào trực tràng do cổ tử cung nằm cạnh trực tràng => Giai đoạn muộn vì vách âm đạo - trực tràng rất chắc chắn.
- b. Lan âm đạo thường gặp** + Túi cùng
- c. Xâm lấn chu cung xảy ra sớm gây vô niệu và tử vong muộn
- d. Lan lên thân tử cung rất ít gặp thường gặp

20. Di căn hạch của ung thư cổ tử cung

- a. Hiếm gặp, chỉ xảy ra ở giai đoạn trễ
- b. Hạch bị di căn thường là hạch chậu ngoài, chậu trong và hạch bẹn hạch bịt
- c. Di căn hạch cạnh động mạch chủ bụng chỉ gặp khi có di căn hạch chậu
- d. Di căn hạch trên đòn được xem như là di căn xa** Hạch ĐM chủ bụng và xa hơn

21. Tổn thương tiền ung thư cổ tử cung

- a. Có thể diễn tiến hàng chục năm trước khi trở thành ung thư xâm lấn**
- b. Nếu không điều trị chắc chắn sẽ diễn tiến thành ung thư xâm lấn Có thể tự thoái triển
- c. Xuất phát từ lớp bề mặt biểu mô lan dần xuống màng đáy => Lan từ màng đáy lên trên
- d. Có thể kèm di căn hạch và di căn xa UT mới di căn



22. Tình huống lâm sàng thường gặp nhất của ung thư cổ tử cung

a. **Xuất huyết âm đạo bất thường** ✓

b. Huyết trắng rỉ rả kéo dài

c. Đau hạ vị

d. Tiểuắt nhất

23. **Sinh thiết** ung thư cổ tử cung

a. Nên thực hiện nhiều mẫu cùng lúc để tránh âm tính giả

b. Cần phải gây tê trước khi thực hiện để giảm đau cho bệnh nhân => Ko cần gây tê

c. **Đối chiếu kết quả sinh thiết với lâm sàng có ý nghĩa rất quan trọng** ✓

d. Không nên sinh thiết nhiều lần vì có thể gây tai biến cho bệnh nhân

24. Xét nghiệm **PAP**

a. Nên thực hiện ở những phụ nữ nguy cơ cao mắc ung thư cổ tử cung

b. **Nên làm thường quy định kì ở phụ nữ đã quan hệ tình dục** ✓ >21y **Làm thường quy**

c. Nên thực hiện khi khám lâm sàng cổ tử cung có bướu

d. Giúp xác định ung thư cổ tử cung xâm lấn

25. Yếu tố nguy cơ ung thư nội mạc tử cung

a. **Có kinh sớm và mãn kinh trễ** ✓

b. Phụ nữ sanh đẻ nhiều

c. Chế độ ăn nhiều chất đạm

d. Quan hệ tình dục với nhiều người

26. Chẩn đoán ung thư nội mạc tử cung

a. Thường phát hiện ở giai đoạn trễ do ít có triệu chứng ở giai đoạn sớm

b. Dễ dàng tầm soát phát hiện sớm bằng xét nghiệm Pap

c. **Xuất huyết âm đạo bất thường là triệu chứng thường gặp nhất** ✓

d. Khối u vùng hạ vị là triệu chứng thường gặp

27. Nạo sinh thiết nội mạc tử cung

a. Là thủ thuật rất dễ gây thủng tử cung

b. Không đau nên có thể thực hiện mà không cần gây tê hay gây mê

c. **Chỉ có thể thực hiện được ở BN đã có quan hệ tình dục** ✓

d. Xét nghiệm âm tính không loại trừ được ung thư nội mạc tử cung

28. Triệu chứng lâm sàng của ung thư buồng trứng

a. Báng bụng là triệu chứng thường gặp ở giai đoạn sớm

b. Nam hóa gợi ý bướu của tế bào mầm

c. Triệu chứng do bướu chèn ép trực tràng thường gặp

d. **Hạch trên đòn cho thấy ung thư di căn xa** ✓



29. Phương tiện nào sau đây thường được dùng nhất trong chẩn đoán ung thư buồng trứng

- a. Chụp X quang cắt lớp điện toán bụng chậu
- b. **Siêu âm bụng chậu** ✓
- c. Chụp cộng hưởng từ bụng chậu
- d. Sinh thiết buồng trứng qua nội soi ổ bụng

30. Chẩn đoán ung thư buồng trứng, chọn câu SAI

- a. Các triệu chứng lâm sàng đa số không đặc hiệu
- b. Khám lâm sàng đôi lúc không phát hiện bất thường
- c. **Sinh thiết buồng qua ngả âm đạo giúp xác định chẩn đoán trong đa số trường hợp** ✓
- d. Đôi lúc chỉ có thể chẩn đoán được nhờ kết quả giải phẫu bệnh sau mổ

31. **Ung thư vú, chọn câu SAI**

- a. Là ung thư thường gặp nhất ở phụ nữ tính chung trên toàn thế giới
- b. Thường gặp ở những nước công nghiệp phát triển hơn những nước đang phát triển
- c. **Khó phát hiện sớm do không có triệu chứng lâm sàng** ✓
- d. Có liên quan đến yếu tố gia đình

Phát hiện qua tầm soát thường quy hoặc BN sờ thấy khối U ở vú.

32. **Triệu chứng thường gặp nhất** của ung thư vú là :

- a. Dấu da cam ở vú
- b. **Một khối không đau ở vú** ✓
- c. Đau vú
- d. Tiết dịch núm vú

33. **Chẩn đoán ung thư vú**

- a. **Khám lâm sàng đôi lúc không xác định được bướu**
- b. Phải mổ sinh thiết trọn hay 1 phần bướu để có được chẩn đoán
- c. **Nhũ ảnh chỉ được dùng trong chẩn đoán ung thư vú giai đoạn sớm** ✓
- d. Các dấu hiệu sinh học của bướu xác định ung thư

34. **Phần lớn tế bào ung thư vú** có nguồn gốc xuất phát từ

- a. **Biểu mô ống tuyến vú** ✓ 80%
- b. Tiểu thùy tuyến vú 10%
- c. Mô cơ quanh ống tuyến vú
- d. Mô mỡ trong tuyến vú

35. **Diễn tiến tự nhiên** của ung thư vú

- a. Chủ yếu là tại chỗ, tại vùng, ít di căn xa
- b. **Xâm lấn cơ ngực lớn rất thường gặp do bướu nằm ngay trước cơ ngực** ✓
- c. Di căn xa âm thầm có thể diễn ra sớm



- d. Di căn hạch trên đòn thường gặp hơn di căn hạch nách
36. Triệu chứng thường gặp nhất của ung thư thực quản
- a. Nôn ói
  - b. Khàn tiếng
  - c. Nuốt nghẹn, nuốt khó** ✓
  - d. Hạch cổ, trên đòn
37. Yếu tố nào sau đây liên quan đến dạng carcinom tuyến trong ung thư thực quản :
- a. Hút thuốc lá
  - b. Uống rượu
  - c. Tiền căn đã từng bị ung thư vùng đầu cổ
  - d. Thực quản Barrett** ✓
38. Triệu chứng nào dưới đây là triệu chứng HIẾM gặp trong ung thư dạ dày :
- a. Thiếu máu
  - b. Đi cầu phân đen
  - c. Khối u thượng vị** ✓
  - d. Hạch trên đòn trái
39. Những triệu chứng thường gặp của ung thư đại trực tràng
- a. Đau bụng
  - b. Rối loạn thói quen đi cầu : táo bón, xen kẽ tiêu chảy, mót rặn...
  - c. Rối loạn tính chất phân : phân nhỏ dẹt, lẫn nhày máu...
  - d. Tất cả các câu trên đều đúng** ✓
40. Khảo sát cận lâm sàng nào sau đây ít cần thiết thực hiện trước khi điều trị ung thư trực tràng : ???
- a. Chụp cản quang khung đại tràng
  - b. Siêu âm trong lòng trực tràng
  - c. Nội soi toàn bộ khung đại tràng và sinh thiết** ✓
  - d. CT hoặc MRI bụng chậu

Chúc các bạn thi tốt !!! – Y09C